

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2022/DS-PT

Ngày: 23/11/2022

“V/v Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Phụng

Bà Lê Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 10 và 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLPT-DS, ngày 22 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phú S (T).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S1 (S).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Lâm S2.

Địa chỉ: Số B đường số C, K, phường A, Quận N, TP ., vắng mặt ngày 23/11/2022.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc T, có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Nguyễn Văn T1, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Phụng M.

3.4. Ông Nguyễn Phú T2.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.5. Bà Nguyễn Thị B.

Đại diện theo ủy quyền của Bà Nguyễn Thị B là ông Trần Lâm S2

Địa chỉ: Số B đường số C, K, phường A, Quận N, Thành phố Cần Thơ, vắng mặt ngày 23/10/2022.

3.6. Ông Phan Văn L.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Bà Nguyễn Thị Bé T3, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Khu V, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị S1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện lại ngày 29/10/2019 quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn ông Nguyễn Phú S trình bày: Nguồn gốc phân đất đang tranh chấp là của mẹ ruột ông là bà Hồ Kim H và cha ông là Nguyễn Phú C (chết năm 1962). Lúc sinh thời bà H và ông C có 5 người con gồm: Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị N (đã chết năm 2008), Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị S1 và ông là Nguyễn Phú S. Khi còn sống bà H có chia đất cho tất cả các anh chị em trong gia đình. Sau khi chia đất xong thì bà H có giữ lại một phần tài sản để dưỡng già gồm có 2,5 công ruộng tại ấp L, xã L, 2.700m² đất thổ cư và đất vườn, 01 căn nhà cùng một số vật dụng khác trong gia đình. Phần đất ruộng, vườn, thổ cư bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Ngày 05/02/2005, bà H làm tờ chúc ngôn để lại cho ông 01 căn nhà, 02 công vườn cây tạp, 2,5 công ruộng, 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 cái tủ chén, 01 cái bàn tròn đá mài, 01 bộ lư. Ngày 31/07/2012, bà Hồ Kim H mất thì bà S1 tự ý dọn đồ đạc trong nhà của bà H trong đó có phần tài sản bà H để lại cho ông nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận tờ chúc ngôn do bà Hồ Kim H chết để lại ngày 05/02/2005, công nhận cho ông phần đất vườn diện tích theo đo đạc thực tế tại thửa 1522 là 2.955,7m² loại đất LNK (trong đó có 11m² đất là phần nền mộ của bà H ông không yêu cầu), phần đất thổ cư tại thửa 1526 diện tích 98,5m² (trong đó có căn nhà diện tích 76m²) một phần đất ruộng tại thửa 691 có diện tích 2.922,8m² tại ấp L, xã L. Đối với phần đất ven kênh diện tích 44,1m², 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 cái tủ chén, 01 cái bàn tròn đá mài, 01 bộ lư đồng, phần bồi thường hoa lợi trên đất, phần ông L thuê ruộng của bà H 08 tấn lúa khô ông không yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị S1 trình bày: Bà thừa nhận bà Hồ Kim H và ông

Nguyễn Phú C (chết) có 05 người con như ông S trình bày là đúng. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của bà H, ông C có diện tích 2.400m² đất vườn, 300m² đất thổ cư, và 8.886m² đất ruộng. Khi bà H còn sống đã cho đất cho các anh em trong gia đình. Bà chung sống với bà H từ nhỏ đến khi bà H chết, bà là người chăm sóc bà H từ lúc bệnh đến khi chết. Khi bà H còn sống có làm tờ xác nhận bà là người thừa kế tài sản của bà H bao gồm nhà, 2.400m² đất vườn và 150m² đất thổ cư (thực tế chỉ có 150m² đất thổ cư mà trong giấy thì cấp dư 150m²).

Còn phần đất ruộng bà H cho bà 4.000m², cho bà N gần 02 công tầm nhỏ, phần còn lại 2,5 công bà H cho ông Phan Văn L thuê làm, trồng lúa hàng năm. Vào năm 2012, bà H bị bệnh có kêu con của bà T4 để bán 2,5 công đất ruộng, nhưng lúc đó ông S, bà T4 ngăn cản không cho bán. Khi bà H mất bà B bán đất của bà lo chi phí mai táng và trả nợ cho bà H là 50.000.000 đồng, còn lại khoảng 20.000.000 đồng bà B cho bà để lo thờ cúng mẹ sau này. Sau đó bà B lấy lại phần đất ruộng còn lại của bà H (ông L đang mượn làm) để cho ông L làm luôn, vì ông L là con ruột bà B. Khi bà H mất thì chỉ còn đất vườn, đất thổ cư, căn nhà và tài sản trong nhà bao gồm bộ lư đồng bà quản lý, sử dụng từ khi bà H chết đến nay. 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của bà H thì bà đang quản lý. Bà cho rằng bà H không có lập tờ chúc ngôn để lại toàn bộ tài sản cho ông S như ông S trình bày. Ngày 08/6/2020, bà có yêu cầu giám định dấu vân tay của bà Hồ Kim H tại 02 tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 do ông S cung cấp, ngày 15/7/2020 rút lại yêu cầu giám định dấu vân tay của bà H. Bà cho rằng bà ở chung với bà H từ nhỏ đến khi bà H chết nên phần tài sản của bà H còn lại bà phải được hưởng. Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S, yêu cầu Tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên cho bà được quyền sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc T trình bày: Bà là chị ruột của ông S và bà S1. Trước đây bà và các anh chị em khác trong gia đình đã được bà H chia đất xong. Phần đất còn lại bao gồm đất thổ cư, đất vườn, và 2,5 công đất ruộng bà H để lại để dưỡng già. Vào năm 2005 thì bà H làm tờ chúc ngôn để lại toàn bộ tài sản của bà H cho ông S bao gồm nhà, đất và một số vật dụng khác trong gia đình, trong đó có bộ lư đồng để ông S thờ cúng tổ tiên. Khi bà H làm tờ chúc ngôn có nói với các con trong gia đình biết. Bà S1 không ở chung với bà H, khi bà S1 lập gia đình thì về bên chồng sinh sống đến khi chồng bà S1 chết thì bà H có kêu bà S1 về ở căn nhà dưới, kế căn nhà của bà H, còn căn nhà trên bà H ở và sau khi chết thì để lại cho ông S. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận tờ chúc ngôn của bà H để lại, buộc bà S1 trả lại tài sản theo tờ chúc ngôn cho ông S quản lý. Phần bà, bà không yêu cầu chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị N (đã chết năm 2008), ông và bà N có 03 người con

tên Nguyễn Thị Bé T3, Nguyễn Phú T2, Nguyễn Thị Phụng M. Khi mẹ vợ ông là bà H còn sống, ông và bà N đã được bà H cho 5.800m² đất ruộng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4000m², còn 1.800m² đất ruộng bà H vẫn còn đứng tên. Khi bà H còn sống ông có nghe bà H nói là lập tờ chúc ngôn cho ông S thừa kế bao gồm nhà, tài sản trong nhà, đất thổ cư, đất vườn và ruộng để lại cho ông S thờ cúng cha mẹ sau này. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận tờ chúc ngôn của bà H để lại cho ông S, buộc bà S1 trả lại tài sản theo tờ chúc ngôn cho ông S quản lý. Phần ông, ông không yêu cầu chia.

Tại bản tự khai ngày 30/10/2018, biên bản ghi lời khai ngày 12/4/2019 bản tự khai ngày 26/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Bé T3 trình bày: Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị N (đã chết) và ông Nguyễn Văn T1, bà N là chị ruột của ông S, bà S1. Trước khi bà H chết đã có chia đất cho các con của bà H. Phần còn lại diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000136 là 2.700m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119 diện tích 8.886m². Phần đất tranh chấp là một phần của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000136 và 000119, phần đất ruộng tranh chấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000119 lúc bà H còn sống có cho ông Phan Văn L là con của bà B thuê và đong lúa cho bà H, khi bà H chết thì ông L làm đến nay. Bà H có làm tờ di chúc để lại đất cho ông S. Việc tranh chấp giữa ông S, bà S1 chị không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L trình bày: Phần đất ruộng ông S tranh chấp với bà S1 có nguồn gốc là của bà Hồ Kim H (bà ngoại ông). Khi bà H còn sống có cho ông thuê phần đất này, khi bà H chết thì còn nợ lại tiền thuốc thang và mai táng nên bà S1 có mượn một phần đất của ông để cố cho người khác để lấy tiền trả nợ và đưa ông phần đất này để làm bù lại. Việc tranh chấp giữa ông S, bà S1 ông không biết nhưng nếu muốn lấy phần đất này lại thì phải chuộc phần đất của ông mà bà S1 đã mượn cố cho người khác trả lại ông thì ông đồng ý giao phần đất đang tranh chấp. Ông xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 26/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phú T2 và chị Nguyễn Thị Phụng M trình bày: Anh chị là con của bà Nguyễn Thị N (đã chết) và ông Nguyễn Văn T1, bà N là chị ruột của ông S, bà S1, bà H là bà ngoại của anh chị. Trước khi bà H chết đã có chia đất cho các con của bà H, phần còn lại bà H để dưỡng già. Năm 2005 bà H có lập di chúc để lại phần đất của bà H cho ông Nguyễn Phú S là cậu của anh chị. Việc tranh chấp giữa ông S bà S1 anh chị không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai ngày 30/01/2018 người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Ngày 05/02/2005 bà có viết nháp dùm bà Hồ Kim H tờ chúc ngôn và có nhờ con cháu viết lại có sự chứng kiến của bà và bà H, sau đó tờ chúc ngôn được đánh máy lại đúng với nội dung tờ chúc ngôn viết tay để lại tài sản gồm một căn nhà diện tích 98m², 02 công vườn, 2,5 công ruộng và một số tài sản khác cho ông S.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2018, biên bản xác minh ngày 23/6/2021 người làm chứng ông Nguyễn Văn T5 khai: Năm 2005 ông giữ chức Bí thư Chi bộ, Trưởng ấp L, xã L, huyện L. Đối với tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 thì bà Hồ Kim H, Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Phú T6, Nguyễn Phú S đến nhà ông nhờ xác nhận. Trước khi xác nhận ông có hỏi ý kiến bà H, thời điểm xác nhận bà H vẫn còn minh mẫn và nội dung tờ chúc ngôn đúng ý nguyện của bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú S. Tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 của bà Hồ Kim H là hợp pháp.

Công nhận cho ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng phần đất vườn tại thửa 1522, (vị trí số I), diện tích 2.955,7m² và phần đất thổ cư diện tích 98,5m² (vị trí số III) trong đó có căn nhà diện tích 76m² tại thửa 1526. Ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng cây cối trên phần đất vườn tại thửa 1522.

Công nhận cho ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng phần đất ruộng có diện tích 2.922,8m² thửa 691 (vị trí số I). Buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Phú S phần đất ruộng có diện tích 2.922,8m² thửa 691 (vị trí số I).

Toàn bộ phần đất trên bà Hồ Kim H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Phú S có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Phú S đã rút bao gồm: Phần đất ven kênh diện tích 44,1m², 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 cái tủ chén, 01 cái bàn tròn đá mài, 01 bộ lư đồng, phần bồi thường hoa lợi trên đất, phần ông L thuê ruộng của bà H 08 tấn lúa khô.

Giao cho ông Nguyễn Phú S, bà Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Bé T7, Nguyễn Phú T2, Nguyễn Thị Phương M tiếp tục quản lý phần mộ tại vị trí số II diện tích 11m², thửa 1522, đất LNK.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, các quyền, nghĩa vụ về việc thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị S1 có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng, không công nhận tờ di chúc của bà Hồ Kim H, công nhận cho bà phần đất thổ cư, vì ngoài phần đất này bà không còn phần đất nào khác, đối với phần đất ruộng đã bán theo nguyện vọng của bà H nên không thể chia cho ông S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa ngày 10/11/2022 cho rằng; bị đơn bà Nguyễn Thị S1 đang sinh sống tại căn nhà phía sau liền kề với căn nhà mà ông S đang tranh chấp và có được bà H chia phần đất Lúa, nhưng chưa tách quyền sử dụng đất, tuy nhiên không đồng ý với tờ chúc ngôn của ông S, yêu cầu được công nhận phần đất thổ cư do bà S1 đã nuôi bà H từ trước đến khi bà H chết, đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tự thỏa thuận với nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà S1 và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà B vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 10/11/2022, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xin tạm ngừng phiên tòa để bị đơn và nguyên đơn gặp gỡ tự thỏa thuận với nhau trước do nguyên đơn và bị đơn là anh em ruột, Hội đồng xét chấp nhận ngừng phiên tòa và đã ấn định mở lại vào ngày 23/11/2022 tức phiên tòa ngay hôm nay, các đương sự đã nhận giấy triệu tập mở lại phiên tòa đầy đủ, do vậy căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà S1 và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Phú S khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận tờ chúc ngôn do bà Hồ Kim H chết để lại vào ngày 05/02/2005, công nhận phần đất vườn diện tích 2.955,7m², phần đất thổ cư diện tích 98,5m² tại thửa 1526 (trong đó có căn nhà diện tích 76m²) và một phần đất ruộng có diện tích 2.922,8m², tại thửa 691, tại ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp di sản thừa kế” là đúng quy định

pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị S1 có đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 nên được Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B vắng mặt, không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị S1 không công nhận Tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 của bà Hồ Thị H2 do nguyên đơn cung cấp. Xét thấy, về hình thức và nội dung của 02 Tờ Chúc ngôn cùng ngày 05/02/2005 của bà Hồ Kim H, trong đó 01 Tờ chúc ngôn được viết tay, có chữ ký và điểm chỉ của bà H (BL 12) và 01 Tờ chúc ngôn được đánh máy có điểm chỉ của bà H, cả hai tờ chúc ngôn này đều có 02 người làm chứng là bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Phú T6, được T8 áp là ông Nguyễn Văn T5 ký xác nhận. Nội dung của T9 chúc ngôn là để lại cho ông S các tài sản gồm một căn nhà 98m², 02 công vườn cây tạp, 2,5 công đất ruộng (tầm cấy), 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 tủ chén, 01 bàn tròn đá mài và 01 bộ lư.

Tại bản tự khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 (em dâu của bà H) vào ngày 30/01/2018 (BL26), bà thừa nhận bà có viết nháp cho bà H Tờ chúc ngôn và nhờ con cháu viết lại Tờ chúc ngôn này, khi viết có sự chứng kiến của bà H, tờ chúc ngôn có 02 bản, bản viết tay và bản đánh máy, cả 02 bản chúc ngôn đều có cùng nội dung là để lại cho ông S các tài sản gồm một căn nhà 98m², 02 công vườn cây tạp, 2,5 công đất ruộng (tầm cấy), 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 tủ chén, 01 bàn tròn đá mài và 01 bộ lư.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2018 và biên bản xác minh ngày 23/6/2021 của ông Nguyễn Văn T5, ông cho rằng tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 thì bà Hồ Kim H, Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Phú T6, Nguyễn Phú S đến nhà ông nhờ xác nhận. Trước khi xác nhận ông có hỏi ý kiến bà H, thời điểm xác nhận bà H vẫn còn minh mẫn và nội dung tờ chúc ngôn đúng ý nguyện của bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người đồng thừa kế của bà H đều thống nhất việc bà H có lập di chúc để lại các tài sản nêu trên cho ông S. Bà S1 cho rằng Tờ chúc ngôn lập ngày 05/02/2005 là giả, không phải do bà H ký tên, điểm chỉ nên có yêu cầu giám định dấu vân tay của bà H.

Tại kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 07/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận dấu vân tay thể hiện trên hai tờ chúc ngôn so với dấu vân tay trên chứng minh nhân dân của bà H là không đồng nhất. Tòa án có yêu cầu giám định bổ sung đối với những dấu vân tay khác của bà H tại danh chỉ bản 10 ngón, tuy nhiên căn cứ công văn số 927/PC06 ngày 19/9/2022 của Phòng quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh H trả lời trong hồ sơ chỉ còn tờ khai chứng minh nhân dân, không còn chỉ bản (CMND). Do vậy chưa đủ căn cứ khẳng định dấu vân tay trên hai tờ chúc ngôn này không phải là của bà H, Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ khác để giải quyết vụ án.

[4.2] Bị đơn kháng cáo yêu cầu được sử dụng đất thổ cư do không còn chỗ ở nào khác, xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả căn nhà chính, còn căn nhà cấp phía sau, nguyên đơn không yêu cầu do bị đơn đang ở trong căn nhà này, đối với đất Lúa bị đơn cũng đã được bà H chia một phần tại thửa 691 nhưng chưa tách giấy chứng nhận, do vậy xét thấy bà H đang có căn nhà để ở và cũng được chia đất Lúa trước khi bà H còn sống. Mặc khác ông S đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với những tài sản là 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 cái tủ chén, 01 cái bàn tròn đá mài, 01 bộ lư đồng, những tài sản bị đơn đã lấy, nên ông không yêu cầu trả lại giao cho bị đơn sử dụng là có lợi cho bị đơn.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị S1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 649, Điều 652, Điều 653 và 656 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2021/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phú S. Công nhận Tờ chúc ngôn ngày 05/02/2005 của bà Hồ Kim H là hợp pháp.

2. Công nhận cho ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng phần đất vườn tại thửa 1522, (vị trí số I), diện tích 2.955,7m² theo mảnh trích đo đạc số 89/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi

trường tỉnh H và phần đất thổ cư diện tích 98,5m² (vị trí số III) trong đó có căn nhà diện tích 76m² tại thửa 1526 theo mảnh trích đo đạc số 88/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh H (có mảnh trích đo đạc số 88, 89/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 kèm theo). Ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng cây cối trên phần đất vườn tại thửa 1522.

3. Công nhận cho ông Nguyễn Phú S được quyền sử dụng phần đất ruộng có diện tích 2.922,8m² thửa 691 (vị trí số I) theo mảnh trích đo đạc số 90/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh H. Buộc ông Phan Văn L có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Phú S phần đất ruộng có diện tích 2.922,8m² thửa 691 (vị trí số I) theo mảnh trích đo đạc số 90/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh H (có mảnh trích đo đạc số 90/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018 kèm theo).

Toàn bộ phần đất trên bà Hồ Kim H đang đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Phú S có quyền liên hệ cơ quan chuyên môn để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Nguyễn Phú S đã rút bao gồm: Phần đất ven kênh diện tích 44,1m², 01 tủ thờ, 02 tủ áo, 01 cái bàn dài, 06 cái ghế dài, 01 bộ ngựa gỗ, 01 cái tủ chén, 01 cái bàn tròn đá mài, 01 bộ lư đồng, phần bồi thường hoa lợi trên đất, phần ông L thuê ruộng của bà H 08 tấn lúa khô.

5. Giao cho ông Nguyễn Phú S, bà Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thị T4, Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Bé T7, Nguyễn Phú T2, Nguyễn Thị Phượng M tiếp tục quản lý phần mộ tại vị trí số II diện tích 11m², thửa 1522, đất LNK lược đồ số 89/TT.KTTNMT ngày 10/7/2018.

6. Chi phí xem xét thẩm định, định giá: Ông Nguyễn Phú S tự nguyện nộp 6.242.040 đồng (*Sáu triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm bốn mươi đồng*) đã nộp xong.

7. Chi phí giám định dấu vân tay là 6.660.000 đồng bị đơn bà Nguyễn Thị S1 phải chịu, bị đơn đã nộp xong

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Nguyễn Phú S là người cao tuổi nên được miễn. Ông Nguyễn Phú S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0015538 ngày 17/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

9. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004011 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 23/11/2022

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh